

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-4-2019  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thị Mến, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1186/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kiều Xuân T, sinh năm 1984.

Thường trú: Thôn A, xã N, huyện X, tỉnh Quảng Nam.

Lưu trú: 9/9E ấp M, xã Đ, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1987.

Thường trú: Tổ 4, ấp 6B, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 7, ấp 3, xã T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Kiều Xuân T trình bày:

Ông Tý và bà Nguyễn Thị Diễm H tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký

kết hôn ngày 23/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn 186 ngày 23/11/2011).

Thời gian đầu sau ngày cưới vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, có quan điểm trái ngược với nhau, không thể hòa hợp với nhau dẫn đến việc thường xuyên gây gỗ, cãi vã, không khí gia đình ngột ngạt, vợ chồng không còn quan tâm nhau, không yêu thương, chăm sóc cho nhau.

Hai bên đã cố gắng hòa giải các vấn đề nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn giữa hai bên đã lâm vào tình trạng không thể nào hàn gắn được. Hai bên không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Ông T và bà H đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân ông T không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với bà H. Do đó, ông T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm H.

- Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Kiều Ngọc Bảo V, sinh ngày 27/01/2012, con chung hiện nay đang do bà Nguyễn Thị Diễm H đang trực tiếp nuôi dưỡng, sau ly hôn ông T yêu cầu giao cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng trẻ V, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trẻ V trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ do ông T tự nguyện chịu.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa án và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Kiều Xuân T khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm H, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1

Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bà Nguyễn Thị Diễm H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp 3, xã T, huyện M nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ, đầy đủ cho đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Kiều Xuân T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự :

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông T và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186, ngày 23/11/2011 nên hôn nhân giữa ông Kiều Xuân T và bà Nguyễn Thị Diễm H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà H có mâu thuẫn xảy ra dẫn đến hay gây gổ với nhau. Hai vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, có quan điểm sống trái ngược với nhau, không thể hòa hợp với nhau dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, không khí gia đình ngột ngạt, vợ chồng không còn quan tâm nhau, không yêu thương, chăm sóc cho nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bà H không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông T. Bản thân ông T không còn muốn chung sống cùng bà H, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa ông T và bà H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Kiều Xuân T là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Kiều Ngọc Bảo V, sinh ngày 27/01/2012. Theo ông T trình bày, con chung hiện nay do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T yêu cầu giao cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 18/02/2019 của trẻ Kiều Ngọc Bảo V (là con chung trên 07 tuổi) có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Xét thấy để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà Nguyễn Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Kiều Xuân T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu đồng) cho đến khi trẻ V trưởng thành tròn 18 tuổi. Xét sự tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn ông Kiều Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Kiều Xuân T và bà Nguyễn Thị Diễm H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Kiều Ngọc Bảo V, sinh ngày 27/01/2012 cho bà Nguyễn Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2. Ông Kiều Xuân T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Kiều Ngọc Bảo V trưởng thành tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Kiều Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004075 ngày 17/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Kiều Xuân T chịu.

5. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã M chứng nhận kết hôn số 186 ngày 23/11/2011);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thương**